BTVN: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Trình bày được khái quát về Biển Đông.*
- ✓ *Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta.*
- ✓ *Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.*
- ✓ *Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.*
- ✓ *Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.*
- ✓ *Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.*

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: (ID: 748324) Khí hậu Biển Đông mang tính chất

A. nhiệt đới gió mùa. **B.** cận xích đạo. **C.** cận nhiệt đới. **D.** xích đạo.

Câu 2: (ID: 748325) Nước ta có bao nhiêu tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương giáp Biển Đông?

A. 28. **B.** 21. **C.** 11. **D.** 29.

Câu 3: (ID: 748326) Trung tâm du lịch biển Hạ Long và Phú Quốc lần lượt thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Ngãi, Khánh Hòa. **B.** Quảng Ninh, An Giang.

C. Khánh Hòa, An Giang. **D.** Khánh Hòa, Quảng Ninh.

Câu 4: (ID: 748327) Các quần đảo của nước ta

A. đều có các loại khoáng sản quý. **B.** có tiềm năng khai thác thủy sản.

C. có dân cư tập trung rất đông đúc. **D.** phát triển mạnh nghề làm muối.

Câu 5: (ID: 748328) Các đảo ven bờ nước ta

A. đều là nơi có các vườn quốc gia. **B.** trồng rất nhiều cây công nghiệp.

C. có tiềm năng phát triển du lịch. **D.** đều tập trung khai thác dầu mỏ.

Câu 6: (ID: 748329) Các huyện đảo của nước ta

A. đều là trung tâm hành chính tỉnh.
B. phần lớn có hoạt động nghề biển.
C. là các trung tâm du lịch cấp vùng.
D. phát triển mạnh việc trồng lúa gạo.

Câu 7: (ID: 748330) Vấn đề nào sau đây có vai trò quan trọng nhất trong khai thác tổng hợp và phát triển bền vững kinh tế biển ở nước ta hiện nay?

A. Nâng cấp phương tiện đánh bắt, mở rộng thị trường.
B. Đẩy mạnh vốn đầu tư, công nghệ chế biến hiện đại.
C. Đẩy mạnh khai thác xa bờ, bảo vệ môi trường biển.
D. Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

Câu 8: (ID: 748331) Khai thác khoáng sản biển nước ta hiện nay

A. quan trọng nhất là khai thác than đá.
B. tập trung chủ yếu ven vịnh Bắc Bộ.
C. chỉ tập trung ở phần ngầm dưới biển.
D. có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Câu 9: (ID: 748332) Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

A. phong phú, giàu thành phần loài.
B. tập trung chủ yếu ở vùng ven bờ.
C. phân bố ở các cửa sông, vịnh biển.
D. phân bố ở các đảo lớn ngoài khơi.

Câu 10: (ID: 748333) Sự đa dạng, phong phú về tài nguyên biển và hải đảo là cơ sở thuận lợi để

A. giữ vững an ninh quốc phòng đất nước.
B. giải quyết việc làm, thu hút đầu tư mạnh.
C. thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.
D. phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển.

Câu 11: (ID: 748334) Khó khăn lớn nhất trong phát triển nghề muối truyền thống ở nước ta hiện nay là

A. thiên tai thường xuyên xảy ra.
B. thiếu lao động có tay nghề.
C. thiếu vốn đầu tư.
D. thị trường tiêu thụ.

Câu 12: (ID: 748335) Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch biển ở mước ta hiện nay?

A. Nhu cầu của du khách du lịch và điều kiện phục vụ.
B. Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách du lịch.
C. Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kĩ thuật, hạ tầng.
D. Ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.

Câu 13: (ID: 748336) Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng và bảo vệ nguồn hải sản nước ta hiện nay là

A. đầu tư trang thiết bị hiện đại để đánh bắt xa bờ.
B. đẩy mạnh phát triển sơ sở công nghiệp chế biến.
C. phát triển các dịch vụ phục vụ ngành khai thác hải sản.
D. phổ biến kinh nghiệm, trang bị kiến thức cho ngư dân.

Câu 14: (ID: 748337) Hoạt động kinh tế nào sau đây có tác động mạnh mẽ nhất đến môi trường biển?

A. Khai thác khoáng sản biển.
B. Giao thông vận tải biển.
C. Khai thác hải sản.
D. Du lịch biển.

Câu 15: (ID: 748338) Việc khai thác sinh vật biển nước ta chủ yếu cần

A. gắn với bảo vệ, phát triển nguồn lợi và bảo vệ môi trường.

B. tăng cường bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên đa dạng.

C. sử dụng hiệu quả các cảng biển, khai thác hợp lí tài nguyên.

D. chú ý bảo vệ môi trường, tránh ảnh hưởng các ngành khác.

Câu 16: (ID: 748339) Ý nghĩa về mặt xã hội của hệ thống đảo và quần đảo ở nước ta là

A. phát triển các ngành công nghiệp chế biến hải sản, du lịch biển đảo.

B. cơ sở khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng thềm lục địa.

C. giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân cho các huyện đảo.

D. bảo vệ chủ quyền ở ven biển, căn cứ để tiến ra khai thác nguồn lợi.

Câu 17: (ID: 748340) Việc đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở nước ta có ý nghĩa gì?

A. Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển và bảo vệ chủ quyền.

B. Khôi phục các nghề truyền thống, kết hợp bảo tồn văn hoá ở các làng nghề ven biển.

C. Tận dụng các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển.

D. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi từ biển và bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta.

Câu 18: (ID: 748341) Về mặt kinh tế, các đảo và quần đảo của Việt Nam có vai trò gì?

A. Tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

B. Là điểm tựa quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc phòng.

C. Có tiềm năng lớn để khai thác nguồn lợi từ vùng biển.

D. Là cơ sở khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và đảo.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 19: (ID: 748342) Cho thông tin sau:

Biển Đông là biển rộng thuộc Thái Bình Dương và nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. Điều này đã thể hiện tính chất đặc trưng của vùng biển. Biển Đông là biển chung của nhiều quốc gia có tài nguyên đa dạng và phong phú. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên biển cần phải quan tâm đến phát triển bền vững để đảm bảo hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường cho khu vực. Nước ta và các quốc gia trong khu vực cần hợp tác để đạt được mục tiêu này.

a) Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Do nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa nên thành phần loài sinh vật kém đa dạng.

c) Để góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong khai thác các nguồn lợi của Biển Đông, nước ta và các nước khu vực cần có sự hợp tác.

d) Giải pháp để phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững là các nước cần đẩy mạnh khai thác nguồn lợi thuỷ sản.

Câu 20: (ID: 748343) Cho thông tin sau:

Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, vùng biển rộng lớn khoảng 1 triệu km^2, với hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu, địa hình bờ biển đa dạng, tài nguyên khoáng sản phong phú, sinh vật đa dạng…

a) Vùng biển nước ta có nhiều thuận lợi cho phát triển du lịch biển đảo.

b) Dầu khí là loại khoáng sản có giá trị kinh tế nhất ở vùng biển.

c) Ở nước ta, Bắc Trung Bộ là vùng có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng nước sâu.

d) Một trong những giải pháp quan trọng để khai thác nguồn lợi hải sản là đánh bắt xa bờ.

Câu 21: (ID: 748344) Cho thông tin sau:

Dọc ven biển, vùng sườn bờ và đáy biển điều tra được hơn 30 loại khoáng sản. Ti-tan, cát thuỷ tinh, muối biển là những loại khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn đang được khai thác. Ngoài ra, vùng biển Việt Nam có tiềm năng về băng cháy phân bố ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực bể trầm tích Phú Khánh,...

a) Sản xuất muối là một nghề truyền thống lâu đời vùng ven biển nước ta.

b) Vùng có tiềm năng sản xuất muối với chất lượng lớn nhất nước ta là ven biển Bắc Trung Bộ.

c) Hiện nay, năng suất muối cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

d) Khó khăn của nghề sản xuất muối là phụ thuộc vào tự nhiên, sản xuất công nghiệp quy mô còn nhỏ, thị trường biến động.

Câu 22: (ID: 748345) Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch biển đảo rất phong phú với nhiều cảnh quan đẹp như: các bãi biển (Sầm Sơn, Cửa Lò, Lăng Cô, Mỹ Khê, Nha Trang, Mũi Né, Ninh Chữ,...), vịnh biển (vịnh Hạ Long, vịnh Non Nước, vịnh Cam Ranh, vịnh Vân Phong,...), các đảo (Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc,...), các đầm phá, bãi triều,... thuận lợi cho phát triển đa dạng các loại hình du lịch biển đảo.

a) Vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, thu hút đông đảo khách du lịch

b) Du lịch biển - đảo của nước ta hiện nay được đẩy mạnh phát triển do điều kiện thuận lợi, nhu cầu tăng.

c) Hiện nay, lượng du khách quốc tế đến với du lịch biển – đảo nước ta giảm do tác động của dịch bệnh và thiên tai.

d) Du lịch biển mang lại hiệu quả kinh tế cao nên đang là ngành đóng góp lớn nhất và cơ cấu kinh tế các tỉnh, thành phố ven biển.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23: (ID: 748346) Cho bảng số liệu sau:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN CỦA NGÀNH VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm / Tiêu chí	2010	2015	2020	2021
Khối lượng vận chuyển *(triệu tấn)*	61,6	60,8	76,1	70,0
Khối lượng luân chuyển *(tỉ tấn.km)*	45,5	131,8	152,6	70,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2021 tăng gấp bao nhiêu lần so với năm 2010. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai)

Câu 24: (ID: 748347) Cho bảng số liệu sau:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN CỦA NGÀNH VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm / Tiêu chí	2010	2015	2020	2021
Khối lượng vận chuyển *(triệu tấn)*	61,6	60,8	76,1	70,0
Khối lượng luân chuyển *(tỉ tấn.km)*	45,5	131,8	152,6	70,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Tính cự li vận chuyển trung bình của nước ta năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

Câu 25: (ID: 748348) Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HẢI SẢN BIỂN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2000	2010	2015	2021
Sản lượng khai thác hải sản biển	1660,1	2273,4	2988,1	3743,8
Trong đó: cá biển	1075,3	1664,8	2235,1	2922,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, năm 2001, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác hải sản biển của nước ta, năm 2021 so với năm 2000 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 26: (ID: 851063) Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta giai đoạn 2016 - 2023

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2016	2023
Khai thác biển	3 070,5	3 630,8
Khai thác nội địa	193,6	197,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác biển năm 2023 so với năm 2016 lớn hơn bao nhiêu % tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác nội địa năm 2023 so với năm 2016 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 27: (ID: 768900) Năm 2022, tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển của các loại hình giao thông vận tải ở nước ta là 1974,1 triệu tấn, trong đó khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ là 1576,2 triệu tấn, đường biển là 89,3 triệu tấn. Hãy cho biết tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ cao hơn đường biển bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 28: (ID: 748351) Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HẢI SẢN BIỂN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2000	2010	2015	2021
Sản lượng khai thác hải sản biển	1660,1	2273,4	2988,1	3743,8
Trong đó: cá biển	1075,3	1664,8	2235,1	2922,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, năm 2001, 2022)

Tính tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển trong tổng sản lượng khai thác hải sản của nước ta năm 2021 (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.B	3.B	4.B	5.C	6.B	7.D	8.D	9.A	10.D
11.D	12.B	13.A	14.A	15.A	16.C	17.D	18.C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Khí hậu Biển Đông mang tính chất nhiệt đới gió mùa. Biển Đông nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, nhiệt độ cao và độ ẩm lớn quanh năm.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Sau sáp nhập, nước ta có 21 tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương giáp Biển Đông.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Trung tâm du lịch biển Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh, và Phú Quốc thuộc tỉnh An Giang.

Chọn B.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Các quần đảo của nước ta có tiềm năng khai thác thủy sản nhờ nguồn tài nguyên sinh vật biển phong phú, đa dạng, nhiều loài có giá trị, thuận lợi cho nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Chọn B.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Các đảo ven bờ nước ta có tiềm năng phát triển du lịch như Cát Bà, Cô Tô, Phú Quốc, Lý Sơn, Côn Đảo, Vân Đồn.

Chọn C.

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo và ứng dụng thực tiễn.

Cách giải:

Các huyện đảo của nước ta phần lớn có hoạt động nghề biển. Các huyện đảo thường gắn liền với các hoạt động khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến hải sản và các ngành nghề liên quan đến biển. Một số huyện đảo nổi bật có hoạt động nghề biển phát triển bao gồm: Cát Hải (Hải Phòng), Cô Tô (Quảng Ninh), Trường Sa (Khánh Hòa), Phú Quốc (An Giang),…

Chọn B.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Phân tích nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo. Chú ý tới từ khóa "bền vững".

Cách giải:

Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường biển có vai trò quan trọng nhất trong khai thác tổng hợp và phát triển bền vững kinh tế biển ở nước ta hiện nay. Việc bảo vệ môi trường biển và sử dụng tài nguyên biển một cách bền vững là yếu tố cốt lõi để đảm bảo sự phát triển lâu dài của ngành kinh tế biển, bao gồm các hoạt động như khai thác thủy sản, du lịch biển, năng lượng biển và các ngành kinh tế biển khác.

Chọn D.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Khai thác khoáng sản biển nước ta hiện nay có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt là các loại khoáng sản như dầu khí, cát, cát thủy tinh và các khoáng sản khác. Tuy nhiên, việc khai thác khoáng sản biển còn đang đối mặt với nhiều thách thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Chọn D.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Sinh vật trên vùng biển nước ta rất phong phú, trong đó có nhiều loài đặc sản như: bào ngư, sò huyết, hải sâm,... Trên các đảo đá ven bờ còn có chim yến, tạo mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Các hệ sinh thái vùng biển cũng rất đa dạng và giàu có với nhiều loài thực vật và động vật như: các loài san hô, cỏ biển, rùa biển,...

Chọn A.

Câu 10 (VD):

Phương pháp:

Phân tích nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Sự đa dạng, phong phú về tài nguyên biển và hải đảo là cơ sở thuận lợi để phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển, bao gồm nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, du lịch biển, năng lượng tái tạo từ biển và vận tải biển.

VD: Sinh vật trên vùng biển nước ta rất phong phú, trong đó có nhiều loài đặc sản như: bào ngư, sò huyết, hải sâm,... Trên các đảo đá ven bờ còn có chim yến, tạo mặt hàng xuất khẩu có giá trị → phát triển đánh bắt hải sản.

Chọn D.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Phân tích nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế ở Biển Đông và các đảo, quần đảo kết hợp vận dụng vào thực tiễn.

Cách giải:

Mặc dù sản lượng muối lớn, nhưng thị trường tiêu thụ không ổn định, giá cả muối thấp, và việc cạnh tranh với muối nhập khẩu giá rẻ khiến người sản xuất muối gặp khó khăn. Điều này làm giảm thu nhập của người dân và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành muối truyền thống.

Chọn D.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Phân tích nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Sự đa dạng loại hình du lịch biển ở nước ta chủ yếu được tác động bởi tài nguyên du lịch biển phong phú (bao gồm các bãi biển đẹp, đảo, hệ sinh thái biển, v.v.) và nhu cầu đa dạng của du khách (bao gồm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, du lịch sinh thái, thể thao biển, v.v.). Những yếu tố này tạo ra nhiều loại hình du lịch biển khác nhau, đáp ứng sở thích và nhu cầu của du khách.

Chọn B.

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các hạn chế của ngành đánh bắt hải sản và rút ra kết luận. Chú ý từ khóa "tăng sản lượng", "bảo vệ nguồn ahir sản".

Cách giải:

Việc đầu tư vào công nghệ đánh bắt xa bờ hiện đại giúp ngư dân khai thác hiệu quả hơn, giảm thiểu việc khai thác bừa bãi, từ đó bảo vệ nguồn hải sản. Các tàu đánh bắt xa bờ hiện đại giúp kéo dài mùa vụ khai thác, giảm thiểu tình trạng khai thác gần bờ, nơi tài nguyên hải sản dễ bị cạn kiệt. Bên cạnh đó, trang thiết bị hiện đại còn hỗ trợ việc khai thác bền vững và an toàn hơn.

Chọn A.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích dựa trên tác động của các hoạt động kinh tế tới môi trường.

Cách giải:

Khai thác khoáng sản biển, đặc biệt là dầu khí và khoáng sản dưới đáy biển, có thể gây ô nhiễm nước biển, phá vỡ hệ sinh thái biển, và ảnh hưởng đến các loài sinh vật biển. Các hoạt động này cũng có thể làm mất cân bằng sinh thái biển do các chất thải từ khai thác và sự thay đổi môi trường sống của các loài biển.

Chọn A.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Phân tích chiến lược phát triển và hiện trạng khai thác hải sản của nước ta.

Cách giải:

Việc khai thác sinh vật biển ở Việt Nam cần phải gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi để đảm bảo khai thác bền vững, đồng thời phải chú trọng đến bảo vệ môi trường biển. Các phương pháp khai thác bền vững giúp

duy trì nguồn lợi hải sản lâu dài và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái biển, bảo vệ sự đa dạng sinh học và đảm bảo lợi ích kinh tế cho thế hệ sau.

Chọn A.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo. Chú ý từ khóa "xã hội".

Cách giải:

Hệ thống đảo và quần đảo của nước ta không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế và an ninh quốc phòng, mà còn giải quyết việc làm và nâng cao đời sống nhân dân cho các huyện đảo, thông qua các ngành nghề như ngư nghiệp, du lịch, và các dịch vụ hỗ trợ. Điều này giúp phát triển kinh tế địa phương, cải thiện điều kiện sống cho cư dân ở các đảo và quần đảo.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Cách giải:

Việc đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở Việt Nam không chỉ giúp khai thác hiệu quả nguồn lợi từ biển (như thủy sản, du lịch biển, năng lượng tái tạo từ biển, v.v.) mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước. Các hoạt động kinh tế biển giúp khẳng định sự hiện diện và quyền sở hữu của Việt Nam đối với các vùng biển và đảo của mình, đồng thời đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững.

Chọn D.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung kiến thức phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo. Chú ý từ khóa "kinh tế".

Cách giải:

Về kinh tế, các đảo và quần đảo nước ta có điều kiện là căn cứ để khai thác nguồn lợi vùng biển.

Chọn C.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	19	20	21	22
Đáp án	ĐSĐS	ĐĐSĐ	ĐSSĐ	ĐĐSS

Câu 19 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- a đúng. Khí hậu Biển Đông mang tính chất nhiệt đới gió mùa. Biển Đông nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, nhiệt độ cao và độ ẩm lớn quanh năm.

- b sai. Biển Đông có thành phần loài sinh vật rất đa dạng và phong phú, nhờ vào điều kiện khí hậu nhiệt đới, các hệ sinh thái biển phong phú như rạn san hô, rừng ngập mặn, và các vùng biển nông. Đây là nơi sinh sống của nhiều loài hải sản, động vật biển quý hiếm.

- c đúng. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên biển của Biển Đông cần sự hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường biển và khai thác nguồn tài nguyên một cách hiệu quả.

- d sai. Để phát triển kinh tế biển bền vững cần tập trung vào việc bảo vệ nguồn lợi sinh vật biển, bảo vệ môi trường.

Câu 20 (VD):

Phương pháp:

Phân tích và vận dụng.

Cách giải:

- a đúng. Với hơn 4000 hòn đảo và bờ biển dài 3260 km, cùng với tài nguyên thiên nhiên phong phú và cảnh quan đẹp, Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch biển đảo. Các đảo và bãi biển không chỉ hấp dẫn du khách trong nước mà còn thu hút khách quốc tế.

- b đúng. Dầu khí là khoáng sản có giá trị kinh tế cao và có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Các mỏ dầu và khí đốt ngoài khơi đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước và xuất khẩu, đồng thời giúp đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

- c sai. Vùng Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài, ven biển có nhiều vũng vịnh nước sâu, kín gió => thuận lợi nhất cho xây dựng các cảng biển, đặc biệt các cảng biển nước sâu.

- d đúng. Việc đánh bắt xa bờ giúp khai thác bền vững nguồn lợi hải sản, giảm áp lực lên các vùng biển ven bờ, đồng thời tăng năng suất và hiệu quả khai thác thủy sản.

Câu 21 (VD):

Phương pháp:

Phân tích và vận dụng.

Cách giải:

- a đúng. Sản xuất muối là một nghề truyền thống lâu đời ở các khu vực ven biển, từ Bắc đến Nam. Nghề này đã gắn liền với đời sống của người dân vùng biển và có ảnh hưởng lớn đến kinh tế địa phương.

- b sai. Nghề làm muối phát triển mạnh ở ven biển Nam Trung Bộ vì vùng có khí hậu nhiệt đới nắng nóng, nhiệt độ cao quanh năm nên thuận lợi cho quá trình làm muối; ít cửa sông, chủ yếu các con sông ngắn nhỏ nên vùng nước ven biển có độ mặn cao hơn; địa hình ven biển thuận lợi để hình thành các cánh đồng muối; người dân có nhiều kinh nghiệm sản xuất muối.

- c sai. Mặc dù sản lượng muối có thể đáp ứng nhu cầu trong nước, nhưng năng suất muối chưa thực sự cao so với tiềm năng. Năng suất thấp chủ yếu do phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên (như mưa bão, hạn hán), và quy mô sản xuất còn nhỏ.

- d đúng. Nghề sản xuất muối hiện nay gặp phải những khó khăn lớn như: phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên (thời tiết, khí hậu), quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ và thiếu tính ổn định, cũng như biến động thị trường làm ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất muối.

Câu 22 (VD):

Phương pháp:

Phân tích và vận dụng.

Cách giải:

- a đúng. Vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà đều được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới của UNESCO và là những điểm đến nổi tiếng, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

- b đúng. Du lịch biển đảo Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ nhờ điều kiện thiên nhiên thuận lợi (bờ biển dài, các bãi biển đẹp, đa dạng các đảo, vịnh), cùng với nhu cầu du lịch tăng cao từ khách trong và ngoài nước. Các chính sách của nhà nước cũng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch này.

- c sai. Mặc dù dịch bệnh COVID-19 và thiên tai đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngành du lịch, nhưng trong thời gian gần đây, du lịch biển đảo của Việt Nam đã dần phục hồi, đặc biệt khi các biện pháp kiểm soát dịch bệnh được thực hiện và du khách quốc tế quay lại. Gần đây, ngành du lịch đang dần hồi phục và tăng trưởng.

- d sai. Mặc dù du lịch biển mang lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng nó chưa phải là ngành đóng góp lớn nhất trong cơ cấu kinh tế các tỉnh, thành phố ven biển. Các ngành như ngư nghiệp, khai thác hải sản, và công nghiệp dầu khí vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế của nhiều khu vực ven biển.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	23	24	25	26	27	28
Đáp án	1,14	1001	226	16,4	75,3	78,1

Câu 23 (VD):

Phương pháp:

Để tính mức độ tăng gấp bao nhiêu lần, ta sử dụng công thức sau:

Tỉ lệ tăng = Khối lượng năm 2021 : Khối lượng năm 2010

Cách giải:

Ta có:

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2021 = 70 triệu tấn.

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2010 = 61,6 triệu tấn.

→ Tỉ lệ tăng = 70 : 61,6 ≈ 1,14.

Vậy, khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2021 tăng gấp khoảng 1,14 lần so với năm 2010.

Câu 24 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính cự li vận chuyển trung bình là:

Cự li vận chuyển trung bình = Khối lượng luân chuyển/Khối lượng vận chuyển.

Cách giải:

Ta có:

- Khối lượng luân chuyển hàng hóa năm 2021 = 70,1 tỉ tấn.km.

- Khối lượng vận chuyển hàng hóa năm 2021 = 70 triệu tấn.

→ Cự li vận chuyển trung bình = 70,1 x 1000 : 70 ≈ 1001 km.

Câu 25 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Tốc độ tăng trưởng = Sản lượng năm 2021 : Sản lượng năm 2000 x 100

Cách giải:

- Lấy năm 2000 = 100%.

- Tốc độ tăng trưởng năm 2021 = 3743,8 : 1660,1 x 100 ≈ 226%.

Câu 26 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm cuối/Giá trị năm gốc)*100

Cách giải:

So với tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác nội địa năm 2023 so với năm 2016, tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác biển năm 2023 so với năm 2016 lớn hơn:

[(3 630,8/3 070,5)*100] - [(197,2/193,6)*100] = 16,4%

Câu 27 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

=> Để biết tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ cao hơn đường biển bao nhiêu, ta làm phép tính sau:

[(Khối lượng hàng hóa vận chuyển đường bộ/Tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển)*100] – [(Khối lượng hàng hóa vận chuyển đường biển/Tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển)*100]

Cách giải:

Tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ cao hơn đường biển là:

[(1576,2/1974,1)*100] – [(89,3/1974,1)*100] = 75,3%

Câu 28 (VD):

Phương pháp:

Công thức:

Tỉ trọng = Sản lượng khai thác cá biển : Tổng sản lượng khai thác hải sản biển x 100

Cách giải:

Ta có:

- Sản lượng khai thác cá biển năm 2021 = 2922,3 nghìn tấn.
- Tổng sản lượng khai thác hải sản biển năm 2021 = 3743,8 nghìn tấn.

→ Tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển = 2922,3 : 3743,8 x 100 ≈ 78,1%.